

Số: /TB-BQL

Sóc Trăng, ngày tháng 12 năm 2021

## THÔNG BÁO

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích**

Căn cứ Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích,

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thông báo đến các doanh nghiệp trong khu công nghiệp biết và áp dụng khi thực hiện các thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (*theo danh mục đính kèm*).

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh khuyến khích các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tăng cường ***sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hoặc dịch vụ bưu chính công ích để nộp hồ sơ thủ tục hành chính*** nhằm hạn chế việc doanh nghiệp đi lại, tiếp xúc trực tiếp để góp phần phòng, chống dịch Covid-19. Các thủ tục hành chính được niêm yết, công khai tại trụ sở làm việc, trên Cổng thông tin điện tử thành phần của Ban Quản lý các khu công nghiệp với địa chỉ truy cập <https://kcn.soctrang.gov.vn> vào chuyên mục “***Dịch vụ công trực tuyến -> Bộ thủ tục hành chính***” và hệ thống Một cửa điện tử (<https://motcua.kcn.soctrang.gov.vn>).

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, doanh nghiệp vui lòng liên hệ Văn phòng Ban Quản lý các khu công nghiệp qua số điện thoại 0299.3611 936 để được hỗ trợ.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp KCN;
- Lưu (BLĐ, các phòng, VT).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH SÓC TRĂNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**  
**QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-BQL ngày tháng 12 năm 2021  
của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam</b>
1	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư
3	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
4	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
5	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
7	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

10	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
11	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
12	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
13	Điều chỉnh, Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh
14	Ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các khu công nghiệp
15	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
16	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
18	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài
19	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
20	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thương Mại</b>
1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
2	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
3	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
4	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài
5	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

<b>III</b>	<b>Lĩnh vực lao động, tiền lương</b>
01	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực việc làm</b>
01	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
02	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
03	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
04	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
05	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng</b>
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
2	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
3	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)
5	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)

7	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)
8	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)
9	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình
	<b>Tổng cộng: 40 thủ tục hành chính</b>